

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v: “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:
Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: Số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Như Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô A27 khu tái định cư P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 03/65 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/12/2020, bản tự khai ngày 25/02/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Như Y trình bày: Chị và anh Ngô Thanh T sau thời gian tìm hiểu được khoảng hơn một năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha, mẹ chị tại Lô A27 khu tái định cư P, phường P, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng với nhau hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T không cố gắng làm ăn, không có trách nhiệm của người chồng và người cha trong gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Nên từ tháng 9/2020 anh T đã bỏ về nhà cha, mẹ anh tại địa chỉ số 03/65 đường L, phường P, thành phố H để ở, từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Ngô Thanh T có 03 con chung là: Cháu Ngô Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/12/2010; cháu Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2014 và cháu Ngô Nguyễn Bảo P, sinh ngày 04/01/2016, hiện nay cả ba cháu đều do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh Ngô Thanh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Ngô Thanh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 01/02/2021 Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 65/2021/TB-TLVA và tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh Ngô Thanh T là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng anh Tuấn không đến Tòa án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn anh Ngô Thanh T, nhưng anh Tuấn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Như Y, xử cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

- Về nuôi con chung: Giao cả 03 cháu Ngô Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/12/2010; Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2014 và Ngô Nguyễn Bảo P, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Ngọc Như Y không yêu cầu anh Ngô Thanh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc Như Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Như Y và anh Ngô Thanh T sau thời gian tìm hiểu được hơn một năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/12/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống mỗi người trái ngược nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau; nên từ tháng 9/2020 anh Ngô Thanh T đã bỏ về nhà cha, mẹ anh tại địa chỉ: 03/65 đường L, phường P, thành phố H để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T đang cư trú, cũng như lời khai của người thân trong gia đình anh T đều xác nhận từ tháng 11/2020 chị Nguyễn Ngọc Như Y và anh Ngô Thanh T đã ly thân cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Y có đơn xin ly hôn với anh Ngô Thanh T thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đã có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Như Y, cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Ngọc Như Y và anh Ngô Thanh T có 03 con chung: Cháu Ngô Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/12/2010; cháu Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2014 và cháu Ngô Nguyễn Bảo P, sinh ngày 04/01/2016; hiện nay cả ba cháu đều do chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị Y được nuôi cả ba cháu, nguyện vọng của cháu Thái B được mở với mẹ; còn các cháu Bảo N,

Bảo P còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Ngọc Như Y, giao cả ba cháu Ngô Nguyễn Thái B, Ngô Nguyễn Bảo N và Ngô Nguyễn Bảo P cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu anh Ngô Thanh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc Như Y xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Ngọc Như Y đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002240 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Nguyễn Ngọc Như Y đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Như Y, cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 03 cháu Ngô Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/12/2010; cháu Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2014 và cháu Ngô Nguyễn Bảo P, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Nguyễn Ngọc Như Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu Thái B, Bảo N và Bảo P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Ngô Thanh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc Như Y và anh Ngô Thanh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002240 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Ngọc Như Y đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
 - VKSND TP H;
 - Chi cục THADS TP H;
 - UBND phường P,
- thành phố H (anh T, chị Y ĐKKH số:
102, ngày 18/12/2010);
- Các đương sự
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu dân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Trọng Cẩn**

